TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lý Thị Bé Năm.

+ Ông Lê Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đỗ T, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Trần D, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố M, Phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn Đỗ T trình bày:

Bà và ông Trần D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang), đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28, đăng ký ngày 28/3/2011. Sau khi kết

hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Trần D thường xuyên có lời lẽ xúc phạm nhân phẩm cha mẹ của bà, có hành vi bạo lực gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên ly thân nhau từ năm 2018. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần D.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Y, sinh ngày 04/02/2011, hiện bà đang trực tiếp nuôi. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung sau khi ly hôn, ông Trần D phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng đến khi con chung thành niên.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Đỗ T yêu cầu không giải quyết chia tài sản chung.

* Tại bản khai ngày 08 tháng 5 năm 2020 và quá trình tố tụng, bị đơn Trần D trình bày:

Ông và bà Đỗ T kết hôn với nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng sống chung có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, có thể tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng nên ông không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Y, sinh ngày 04/02/2011. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, bà Đỗ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng có tài sản chung, nhưng hai bên sẽ tự thỏa thuận, yêu cầu Tòa án không giải quyết tài sản chung.

* Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình xét xử vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, căn cứ các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ T, cho bà Đỗ T ly hôn với ông Trần D, giao con chung cho bà Đỗ T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, buộc

ông Trần D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng, từ tháng 8/2020 đến khi con thành niên.

* Trong quá trình tố tụng, bà Đỗ T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai ngày 14/01/2020; Đơn xác nhận HKTT của Trần D; bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Đỗ T; bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy lục khai sinh con chung; Bản khai về nguyện vọng của con chung. Ông Trần D cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ: Tờ tự khai ngày 08/5/2020. Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Biên bản xác minh nguyên nhân tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn Trần D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ T và ông Trần D tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28, đăng ký ngày 28/3/2011. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Trần D thường xuyên có lời lẽ xúc phạm nhân phẩm cha mẹ của bà, có hành vi bạo lực gia đình làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, do vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Đỗ T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về quan hệ con chung: Bà Đỗ T và ông Trần D có 01 con chung tên Trần Y, sinh ngày 04/02/2011, hiện bà Đỗ T đang trực tiếp nuôi. Xét thấy, trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân do mâu thuẫn, con chung sống chung với bà Đỗ T và được bà nuôi chu đáo, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mẹ đối với con; đồng thời con chung có lời khai thể hiện nguyện vọng sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, cần giao cho bà Đỗ T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 58, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Đỗ T và ông Trần D có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Đỗ T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần D cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 8/2020 đến khi con chung thành niên. Yêu cầu này phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình về quyền của người trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con; phương thức và mức cấp dưỡng phù hợp thu nhập, khả năng của ông Trần D và đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con chung quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản chung: Bà Đỗ T yêu cầu không giải quyết quan hệ tài sản chung. Căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét xử lý.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, bà Đỗ T phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đồng, ông Trần D phải chịu án phí sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ T, cho bà Đỗ T ly hôn với ông Trần D.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Y, sinh ngày 04/02/2011 cho bà Đỗ T trực tiếp nuôi sau khi ly hôn. Ông Trần D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng từ tháng 8/2020 đến khi con

chung thành niên. Ông Trần D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà Đỗ T đã nộp theo biên lai thu số 0000427 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thành án phí sơ thẩm. Ông Trần D phải chịu 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Đỗ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Trần D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Huy